

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 02/HY/La Vie/2026

(TCCS 05:2026/LA VIE)

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: Công ty TNHH La Vie

Địa chỉ: Quốc lộ 1A, Khu phố Tường Khánh, Phường Khánh Hậu, Tỉnh Tây Ninh.

Điện thoại: 027 23511801

Fax: 0272 3511740

Mã số doanh nghiệp: 1100101187

Chứng nhận hệ thống An Toàn Thực Phẩm (FSSC 22000): Được đánh giá và tái chứng nhận theo quy định.

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: Nước khoáng thiên nhiên La Vie không ga

2. Thành phần: Nước khoáng thiên nhiên (100%).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: Ngày đầu tiên của tháng thứ 8 tính từ tháng sản xuất.

NSX và HSD được in trên bao bì.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Quy cách đóng gói: Đóng chai với các thể tích thực 18,5 L và 19 L.

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được đóng gói trong chai nhựa, nắp nhựa phù hợp với QCVN 12-1:2011/BYT về an toàn vệ sinh đối với bao bì, dụng cụ bằng nhựa tổng hợp tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm (trường hợp thuê cơ sở sản xuất):.....

.....

III. Mẫu nhãn sản phẩm

Đính kèm là mẫu nhãn sản phẩm.

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- QCVN 6-1:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hưng Yên, ngày ~~17~~ tháng ~~7~~ năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN



Đỗ Hữu Hào
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

BẢN THÔNG TIN CHI TIẾT SẢN PHẨM

CÔNG TY TNHH LA VIE	Sản phẩm thuộc nhóm: Thực phẩm đã qua chế biến bao gói sẵn	Tiêu chuẩn sản phẩm số: TCCS 05:2026/LA VIE
	Nước khoáng thiên nhiên La Vie không ga	Có hiệu lực kể từ ngày ký

1. Các chỉ tiêu chất lượng chủ yếu:

- Hàm lượng khoáng trong nước:

STT	Mục	Đơn vị	Ngưỡng công bố trên 1 lít sản phẩm
1	Tổng chất rắn hòa tan	mg	155 – 400
2	Hydrocarbonat (HCO_3^-)	mg	118 - 350
3	Natri (Na^+)	mg	20 - 70
4	Calci (Ca^{2+})	mg	10 - 35
5	Magnesi (Mg^{2+})	mg	10 - 35
6	Kali (K^+)	mg	4 - 10
7	Fluorid (F^-)	mg	< 1,0
8	Iod (I^-)	mg	< 0,2

- Độ pH: 6,0 – 8,5

2. Giới hạn ô nhiễm vi sinh vật:

Phù hợp với QCVN 6-1:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai (Phụ lục III).

- Kiểm tra lần đầu:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	E.Coli hoặc Coliform chịu nhiệt	CFU/250ml	Không phát hiện được trong bất kỳ mẫu nào.
2	Coliform tổng số	CFU/250ml	Nếu số vi khuẩn (bào tử) ≥ 1 và ≤ 2 thì tiến hành kiểm tra lần thứ hai. Nếu số vi khuẩn (bào tử) > 2 thì loại bỏ.
3	Streptococci feacal	CFU/250ml	
4	Pseudomonas aeruginosa	CFU/250ml	
5	Bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sulfit	CFU/50ml	

- Kiểm tra lần thứ hai:

STT	Tên chỉ tiêu	Giới hạn tối đa cho phép (Trong 1ml sản phẩm)			
		n ¹⁾	c ²⁾	m ³⁾	M ⁴⁾
1	Coliform tổng số	4	1	0	2
2	Streptococci feacal	4	1	0	2
3	Pseudomonas aeruginosa	4	1	0	2
4	Bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sulfit	4	1	0	2

n¹⁾: số đơn vị mẫu được lấy từ lô hàng cần kiểm tra.

c²⁾: số đơn vị mẫu tối đa có kết quả nằm giữa m và M, tổng số mẫu có kết quả nằm giữa m và M vượt quá c là không đạt.

m³⁾: mức giới hạn mà các kết quả không vượt quá mức này là đạt, nếu các kết quả vượt quá mức này thì có thể đạt hoặc không đạt.

M⁴⁾: là mức giới hạn tối đa mà không mẫu nào được phép vượt quá.

3. Giới hạn ô nhiễm kim loại nặng:

Phù hợp với QCVN 6-1:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai (Phụ lục I).

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Stibi (Antimon)	mg/l	≤ 0,005
2	Arsen, tính theo Arsen tổng số	mg/l	≤ 0,01
3	Bari	mg/l	≤ 0,7
4	Borat, tính theo Bor	mg/l	≤ 5
5	Cadmi	mg/l	≤ 0,003
6	Crom, tính theo Crom tổng số	mg/l	≤ 0,05
7	Đồng	mg/l	≤ 1
8	Chì	mg/l	≤ 0,01
9	Mangan	mg/l	≤ 0,4
10	Thủy ngân	mg/l	≤ 0,001
11	Nickel	mg/l	≤ 0,02

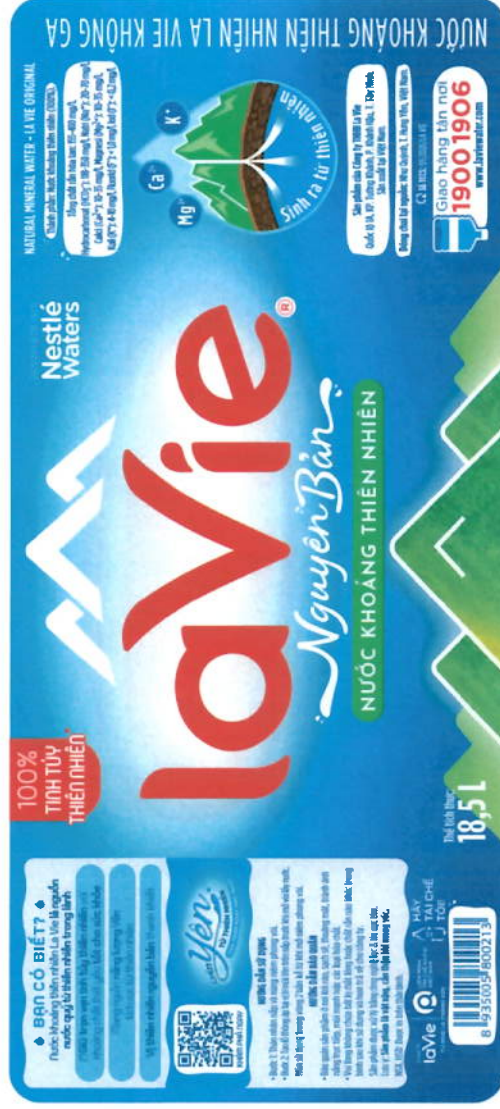
4. Các chỉ tiêu hóa học khác:

Phù hợp với QCVN 6-1:2010/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai (Phụ lục I).

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức công bố
1	Cyanid	mg/l	$\leq 0,07$
2	Fluorid	mg/l	$< 1,0$
3	Nitrat, tính theo ion nitrat	mg/l	≤ 50
4	Nitrit, tính theo ion nitrit	mg/l	$\leq 0,1$
5	Selen	mg/l	$\leq 0,01$
6	Các chất hoạt động bề mặt	mg/l	(*)
7	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật và PCB (polyclobiphenyl)	$\mu\text{g/l}$	(*)
8	Dầu khoáng	mg/l	(*)
9	Các hydrocarbon thơm đa vòng	$\mu\text{g/l}$	(*)

(*) Phải nhỏ hơn giới hạn định lượng quy định trong các phương pháp thử tương ứng.

HOD LA VIE NGUYÊN BẢN HƯNG YÊN 18.5L



• BẠN CÓ BIẾT?

Nước khoáng thiên nhiên La Vie là nguồn nước quý từ thiên nhiên trong lành

(*)Giữ trọn vẹn tinh túy thiên nhiên với khoáng chất thiết yếu tốt cho sức khỏe

Mang nguồn năng lượng Viên tích cực từ thiên nhiên

Vị thiên nhiên nguyên bản thanh khiết

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG

- Bước 1: Tháo nắp nắp và màng niêm phong vòi.
 - Bước 2: Tạo lỗ thông áp tại vị trí mới trên nắp trước khi mở lấy nước.
- Nên sử dụng trong vòng 2 tuần kể từ khi mở niêm phong vòi.

HƯỚNG DẪN BẢO QUẢN

- Bảo quản sản phẩm ở nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp, mùi mạnh hoặc các loại hóa chất
- Vui lòng không chứa bất kỳ ký chất lỏng hoặc chất rắn nào khác trong bình sau khi sử dụng và hoàn trả về cho công ty.

Sản phẩm được xử lý bằng công nghệ lọc & tia cực tím.

Lưu ý: Sản phẩm là vật nặng, cần thận khi mang vác.

NSX, HSD: Được in trên thân bình.

NATURAL MINERAL WATER - LA VIE ORIGINAL

Thành phần: Nước khoáng thiên nhiên (100%)

Tổng chất rắn hòa tan: 155-400 mg/l,
Hydrocarbonat (HCO_3^-): 118-350 mg/l, Natri (Na^+): 20-70 mg/l,
Canxi (Ca^{2+}): 10-35 mg/l, Magnesi (Mg^{2+}): 10-35 mg/l,
Kali (K^+): 4-10 mg/l, Fluorid (F^-): <1,0 mg/l, Iod (I^-): <0,2 mg/l.

Sản phẩm của Công ty TNHH La Vie
Quốc lộ 1A, KP. Tường Khánh, P. Khánh Hậu, T. Tây Ninh.
Sản xuất tại Việt Nam.

Đóng chai tại nguồn: Như Quỳnh, T. Hưng Yên, Việt Nam.

Số TCS: 05-2026/LA VIE

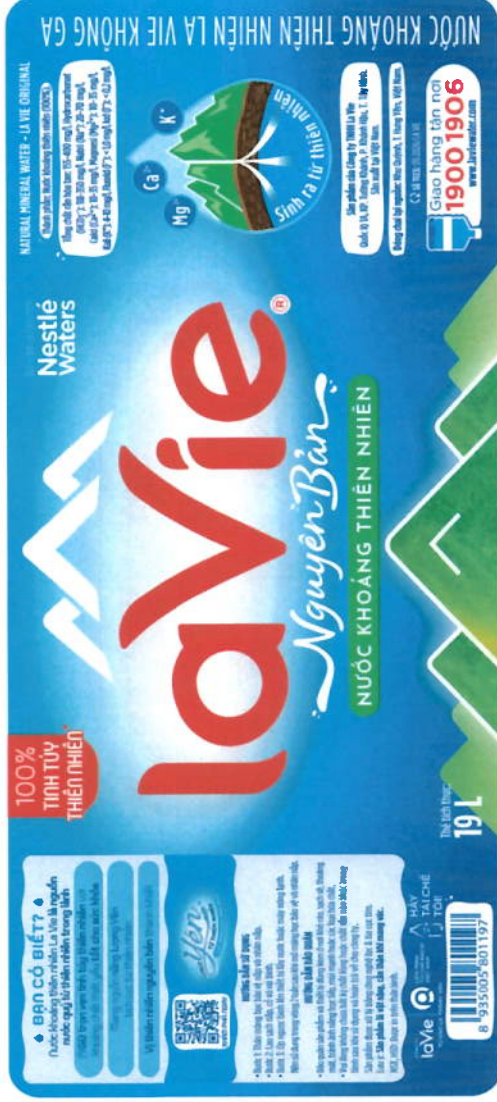
Zoom in



Đỗ Hữu Hào

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

HOD LA VIE NGUYÊN BẢN HƯNG YÊN 19L



• BẠN CÓ BIẾT?

Nước khoáng thiên nhiên La Vie là nguồn nước quý từ thiên nhiên trong lành

(*) Giữ trọn vẹn tính tự nhiên với khoáng chất thiết yếu tốt cho sức khỏe

Mang nguồn năng lượng Yên tích cực từ thiên nhiên

Vị thiên nhiên nguyên bản thanh khiết

- Bước 1: Tháo màng bọc bảo vệ nắp và nhãn nắp.
 - Bước 2: Lau sạch nắp, cổ và vai bình.
 - Bước 3: úp ngược bình lên thiết bị lấy nước hoặc máy nóng lạnh.
- Nên sử dụng trong vòng 2 tuần sau khi mở màng bọc bảo vệ và nhãn nắp
- ### HƯỚNG DẪN BẢO QUẢN
- Bảo quản sản phẩm và thiết bị dùng kèm ở nơi khô ráo, sạch sẽ, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp, mùi mạnh hoặc các loại hóa chất.
 - Vui lòng không chứa bất kỳ chất lỏng hoặc chất rắn nào khác trong bình sau khi sử dụng và hoàn trả về cho công ty.
- Sản phẩm được xử lý bằng công nghệ lọc & tia cực tím.
- Lưu ý: **Sản phẩm là vật nặng, cần thận khi mang vác.**
- HSX, HSD: Được in trên thân bình.

Zoom in

NATURAL MINERAL WATER - LA VIE ORIGINAL

Thành phần: Nước khoáng thiên nhiên (100%).

Tổng chất rắn hòa tan: 155-400 mg/l, Hydrocarbonat (HCO₃⁻): 118-350 mg/l, Natri (Na⁺): 20-70 mg/l, Canxi (Ca²⁺): 10-35 mg/l, Magnessi (Mg²⁺): 10-35 mg/l, Kali (K⁺): 4-30 mg/l, Fluorid (F⁻): <1,0 mg/l, Iod (I⁻): <0,2 mg/l.

Sản phẩm của Công ty TNHH La Vie
Quốc lộ 1A, KP. Trường Khánh, P. Khánh Hậu, T. Tây Ninh.
Sân xuất tại Việt Nam.

Đóng chai tại nguồn: Như Quỳnh, T. Hưng Yên, Việt Nam.

☎ Số TCCS: 05/2026/LA VIE

Zoom in



Đỗ Hữu Hào

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Bản dịch từ giấy chứng nhận VN20/00033

Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm của

CHI NHÁNH SẢN XUẤT CÔNG TY TNHH LA VIE TẠI HƯNG YÊN

COID: VNM-1-0587-165147

Thôn Ngọc Quỳnh, Xã Như Quỳnh, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam

đã được đánh giá và chứng nhận là đáp ứng các yêu cầu của

Food Safety System Certification FSSC 22000

Chương trình chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm bao gồm các phần sau:
ISO 22000:2018, ISO/TS22002-1:2009 và các yêu cầu bổ sung của FSSC 22000 (phiên bản 6).

Cho các hoạt động sau đây

Sản xuất nước khoáng thiên nhiên đóng chai và nước uống đóng chai

Nhóm ngành: CIV - Chế biến sản phẩm giữ được lâu ở nhiệt độ thường

Chứng chỉ có hiệu lực từ 20/03/2026 đến 19/03/2029 và duy trì hiệu lực tùy thuộc vào các cuộc đánh giá giám sát thoả đáng.

Ngày quyết định chứng nhận 11/03/2026

Ngày phát hành: 11/03/2026

Phát hành 5 Chứng nhận từ 20/03/2014

Lần cuối đánh giá không báo trước: 26/02/2024 – 27/02/2024

Ít nhất một (1) cuộc đánh giá giám sát phải được thực hiện mà không báo trước sau khi đánh giá chứng nhận ban đầu và trong mỗi giai đoạn ba (3) năm sau đó.

L. Moran

Được ủy quyền bởi

Liz Moran

Business Manager

SGS United Kingdom Ltd

Rossmore Business Park, Ellesmere Port, Cheshire, CH65 3EN, UK

t +44 (0)151 350-6666 - www.sgs.com



Phiên bản tiếng Anh của giấy chứng nhận này được xem là bản chính thức và bản có giá trị

Tính xác thực của chứng nhận này có thể được xác minh trên cơ sở dữ liệu của các tổ chức được chứng nhận FSSC 22000 có sẵn trên www.fssc.com.



FSSC 22000



**CÔNG TY TNHH LAVIE
SAO Y BẢN CHÍNH**

Số: _____

Ngày: ____/____/____

Văn bản này là chứng nhận điện tử chỉ sử dụng cho mục đích kinh doanh của khách hàng. Bản được in từ chứng nhận điện tử này được cho phép và sẽ được xem như là bản sao. Văn bản này được phát hành bởi Công ty tuân theo điều kiện chung của SGS về các dịch vụ chứng nhận theo các điều khoản và điều kiện I SGS. Lưu ý được đưa ra ở đây bao gồm trong đó các điều khoản về giới hạn trách nhiệm pháp lý, bồi thường và thẩm quyền. Văn bản này là bản quyền được bảo vệ và bất kỳ sự thay đổi trái phép, giả mạo hoặc làm sai lệch nào về nội dung hoặc hình thức của văn bản này là bất hợp pháp.



Đỗ Hữu Hào

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Số/No: 26/TN4/0640/01

Trang/Page: 1/4

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

(Phiếu này thay cho phiếu kết quả số 26/TN4/0640/01 cấp ngày 11/5/2026)

Tên mẫu: Nước khoáng thiên nhiên La Vie không ga 18.5L

Name of sample: NSX: 31.03.2026

Khách hàng: CNSX Công ty TNHH La Vie tại Hưng Yên

Customer

Số lượng mẫu: 01 bình

Quantity

Ngày nhận mẫu: 02/4/2026

Date of receiving

Tình trạng mẫu: Mẫu nguyên sản phẩm

Status of sample

Thời gian thử nghiệm: Từ ngày: 02/4/2026 Đến ngày: 08/5/2026

Test duration

From

To

Ngày hoàn thành: 08/5/2026

Completion date:

TRƯỞNG PHÒNG
THỬ NGHIỆM THỰC PHẨM
Head of Lab

Nguyễn Trần Quân

Hà Nội, ngày 4 tháng 5 năm 2026



PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Châm

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No: 26/TN4/0640/01

Trang/Page: 2/4

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

STT Item	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Mức quy định Limits (***)	Kết quả Results
1	Hàm lượng Sb(*)	mg/l	EPA 200.8	$\leq 0,005$	KPH (LOD =0,001) (**)
2	Hàm lượng As(*)	mg/l	EPA 200.8	$\leq 0,01$	KPH (LOD =0,001)
3	Hàm lượng Ba(*)	mg/l	EPA 200.8	$\leq 0,7$	KPH (LOD =0,01)
4	Hàm lượng B(*)	mg/l	TCVN 6665:2011	≤ 5	KPH (LOD =0,05)
5	Hàm lượng Cd(*)	mg/l	EPA 200.8	$\leq 0,003$	KPH (LOD =0,001)
6	Hàm lượng Cu(*)	mg/l	EPA 200.8	≤ 1	KPH (LOD =0,005)
7	Hàm lượng Cr (*)	mg/l	EPA 200.8	$\leq 0,05$	KPH (LOD =0,01)
8	Hàm lượng CN ⁻	mg/l	TCVN 6181:1996	$\leq 0,07$	KPH (LOD =0,05)
9	Hàm lượng Pb(*)	mg/l	EPA 200.8	$\leq 0,01$	KPH (LOD =0,001)
10	Hàm lượng Mn(*)	mg/l	TCVN 6665:2011	$\leq 0,4$	KPH (LOD =0,012)
11	Hàm lượng Hg(*)	mg/l	EPA 200.8	$\leq 0,001$	KPH (LOD =0,0003)
12	Hàm lượng Ni(*)	mg/l	EPA 200.8	$\leq 0,02$	KPH (LOD =0,001)
13	Hàm lượng NO ₃ ⁻ (*)	mg/l	TCVN 6494-1: 2011	≤ 50	2,42
14	Hàm lượng NO ₂ ⁻	mg/l	TCVN 6178: 1996	$\leq 0,1$	KPH (LOD =0,02)
15	Hàm lượng Se(*)	mg/l	EPA 200.8	$\leq 0,01$	KPH (LOD =0,001)
16	Hàm lượng F ⁻ (*)	mg/l	TCVN 6494-1: 2011	-2	< 0,3 (LOQ =0,3)

Số/No: 26/TN4/0640/01

Trang/Page: 3/4

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT

STT Item	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị Unit	Phương pháp thử Test methods	Mức quy định Limits (***)	Kết quả Results
17	Hàm lượng PCB	µg/l	SMEWW 6630: 2017	-3	KPH (LOD = 0,01)(**)
18	Hàm lượng Hydrocacbon đa vòng,	µg/l	SMEWW 6440B: 2017	-3	KPH (LOD = 0,1)
19	Hàm lượng dầu khoáng	mg/l	NF EN ISO9377-2:2000	-3	KPH (LOD = 0,01)
20	Hàm lượng chất hoạt động bề mặt	mg/l	TCVN 6622/1: 2000	-3	KPH (LOD = 0,05)
21	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật nhóm Phospho (o,o,o-triethylphosphorothioate, sulfotep, phorate, dimethoate, disulfoton, methyl parathion, parathion, famphur)	µg/l	US EPA 507	-3	KPH (LOD = 0,01)
22	Dư lượng thuốc bảo vệ thực vật nhóm Clo hữu cơ, (Aldrin, BHC, 4,4-DDD, 4,4-DDT, Dieldrin, EndosulfanI, EndosulfanII, Endosulfan sulfate, Endrin, Endrin aldehyde, Heptachlor, Heptachlor epoxide (B))	µg/l	SMEWW 6630: 2017 (EPA 608)	-3	KPH (LOD = 0,01)
23	Coliforms (*)	CFU/250ml	ISO 9308-1: 2014/ Amd 1: 2016	0	Không có
24	E.coli (*)	CFU/250ml	ISO 9308-1: 2014/ Amd 1: 2016	0	Không có
25	Faecal streptococci (*)	CFU/250ml	ISO 7899-2 : 2000	0	Không có
26	Bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sulfite (Clostridia) (*)	CFU/50ml	ISO 6461-2 : 1986	0	Không có
27	Pseudomonas aeruginosa (*)	CFU/250ml	ISO 16266: 2006	0	Không có

Ghi chú: giới hạn định lượng của phương pháp CFU (< 1,0) được coi là “không có” và biểu thị kết quả “0”

(*): Chỉ tiêu đã được công nhận VILAS

(**): KPH: không phát hiện; KQĐ: Không qui định

(***): Mức quy định: QCVN 06-1:2010/BYT: Quy chuẩn Quốc Gia về chất lượng nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai

⁻²: Theo điểm b, khoản 2.3.3, mục 2 của Quy chuẩn này.

⁻³: Phải nhỏ hơn giới hạn định lượng qui định của phương pháp thử tương ứng

Số/No:.....26/TN4/0640/01....

Trang/Page: 4/4.....

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST RESULT



Số/No: 26/TN4/0640/02

Trang/Page: 1/2

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

(Phiếu này thay cho phiếu kết quả số 26/TN4/0640/02 cấp ngày 11/5/2026)

1. Tên mẫu thử /Name of sample: Nước khoáng thiên nhiên Lavie không ga 18.5L
NSX: 31.03.2026
2. Khách hàng /Customer: CNSX công ty TNHH La Vie tại Hưng Yên
3. Số lượng mẫu /Quantity: 01 bình
4. Ngày nhận mẫu /Date of receiving: 02/ 4 /2026
5. Tình trạng mẫu /Status of sample: Mẫu nguyên sản phẩm
6. Thời gian thử nghiệm / Test duaration: Từ ngày/From: 02/ 4 /2026 đến ngày/To: 08/ 5 /2026
7. Ngày hoàn thành/ Completion date: 08/5/2026

STT Item	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị Units	Phương pháp thử Test methods	Mức tham khảo Reference levels (*)	Kết quả Results
1	Hàm lượng Na(*)	mg/l	TN4.HD.N2.37 (2026) (Ref TCVN 6665:2011 & ISO 11885 : 1996)	KQĐ	35,02
2	Hàm lượng K(*)	mg/l	Nt	KQĐ	5,8
3	Hàm lượng Mg(*)	mg/l	Nt	KQĐ	17,63
4	Hàm lượng Ca(*)	mg/l	Nt	KQĐ	20,12
5	Hàm lượng HCO ₃ ⁻	mg/l	AOAC 920.194	KQĐ	200
6	Tổng chất rắn hòa tan (TDS)(*)	mg/l	TN4.HD.N1.150 (2026)	KQĐ	192
7	Hàm lượng Iốt	mg/l	ICP – MS (theo yêu cầu của khách hàng)	KQĐ	KPH (LOD = 0,1)
8	Hàm lượng F(*)	mg/l	TCVN 6494-1: 2011	-2	KPH (LOD =0,1)

(*): chỉ tiêu được công nhận Vilas

-2: Theo điểm b, khoản 2.3.3, mục 2 của Quy chuẩn này.

KPH: không phát hiện; LOD: giới hạn phát hiện; KQĐ: Không qui định

(*): Mức quy định: QCVN 06-1:2010/BYT: Quy chuẩn Quốc Gia về chất lượng nước khoáng thiên nhiên và nước uống đóng chai

TRƯỞNG PHÒNG
THỬ NGHIỆM THỰC PHẨM

Nguyễn Trần Quân

Hà nội, ngày 15 tháng 05 năm 2026

GIÁM ĐỐC

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Ngọc Châm

- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng đưa tới.
This test result is valid only for samples taken by customer.
- Không được trích sao một phần kết quả này nếu không được sự đồng ý của Trung tâm Kỹ thuật 1.
This test result shall not be reproduced except in full, without the written approved of QUATEST 1.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
Name of sample and customer are written as customer's request.

Số/No:.....26/TN4./0640/02.....

Trang/Page: 2/2.....

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST RESULT

